

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

KIỂM SOÁT NỘI BỘ CHU TRÌNH CẤP BỒ HỒI MẸ
CÁI GIỎI (OTO) THỦ TIỀN KHÁCH HÀNG TẠI CÔNG
TY BỒ HỒI M PVI HUẾ

NGUYỄN THỊ BỒ NGÂN

NIÊN KHÓA: 2016- 2020

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

KIỂM SOÁT NỘI BỘ CHU TRÌNH CẤP BỎ HỒI M XE
CÁI GIỎI (OTO) THU TIỀN KHÁCH HÀNG TẠI
CÔNG TY BỎ HỒI M PVI HUẾ

Sinh viên thực hiện:

NGUYỄN THỊ BẢO NGÂN

Lớp: K50A Kế toán

Mã sinh viên: 16K4051097

Niên khóa: 2016 – 2020

Giáo viên hướng dẫn:

PGS.TS Trần Văn Sơn

Huế 04/2020

Lời Cảm Ơn!

Thức tập cuối khóa là khoảnh khắc gian hũu ích và rất cần thiết cho mỗi sinh viên trang bị cho mình những kiến thức thực tế, khả năng nghề nghiệp để khi ra trường có thể tự tin và thích nghi với công việc tốt hơn.

Lời đầu tiên em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Giám hiệu nhà trường cùng toàn thể quý thầy cô giáo Trường Đại học Kinh tế Huế, những người đã dạy dỗ, và truyền giảng những kiến thức bổ ích, quý báu cho em trong suốt những năm tháng học tập tại trường. Em xin cảm ơn quý thầy cô giáo Khoa Kế toán – Kiểm toán, đặc biệt là **Thầy PGS.TS Trịnh Văn Sơn** là người đã trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ em trong suốt quá trình thực tập nghề nghiệp.

Đồng thời, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các anh chị, cô chú cán bộ công nhân viên tại Công ty Bảo hiểm PVI Huế đã tạo nhiều điều kiện giúp đỡ, hỗ trợ em trong suốt thời gian thực tập, cũng như đóng góp ý kiến bổ ích cho em hoàn thành đợt thực tập của mình với kết quả như mong đợi.

Trong bài báo cáo thực tập cuối khóa này mặc dù bản thân em đã cố gắng nỗ lực hết mình để giải quyết các yêu cầu và mục đích đặt ra, song do kiến thức và kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên không thể tránh khỏi những thiếu sót.

Em rất mong nhận được sự chỉ bảo, bổ sung ý kiến đóng góp của quý thầy cô giáo, để bài báo cáo thực tập của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !!!

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thị Bảo Ngân

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

HTKSNB	Hệ thống kiểm soát nội bộ
KSNB	Kiểm soát nội bộ
DN	Doanh nghiệp
HĐQT	Hội đồng quản trị
BCTC	Báo cáo tài chính
MTKS	Môi trường kiểm soát
ĐGRR	Đánh giá rủi ro
NQL	Nhà quản lý
HĐKS	Hội đồng kiểm soát
BH	Bảo hiểm
HĐLĐ	Hội đồng lao động
KH	Khách hàng
TTTT	Thông tin truyền thông
CBKD	Cán bộ kinh doanh
HĐ	Hội đồng
COSO	Committee of Sponsoring Organizations of the Treadway Commission
QLNV & BT	Quản lý nhân sự và bồi dưỡng
KSTT	Kiểm soát tuân thủ
QHKH	Quan hệ khách hàng
CBTD	Cán bộ tín dụng
GCN	Giấy chứng nhận
XCG	Xe cộ giới
TS	Tài sản
NV	Nguồn vốn
TSNH	Tài sản ngắn hạn
TSDH	Tài sản dài hạn
NPT	Nội phi trợ
VCSH	Vốn chủ sở hữu
PTKH	Phiếu thu khách hàng

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Tình hình lao động của Công ty Bảo hiểm PVI Huế	30
Bảng 2.2: Chi tiêu và biến động tài sản của Công ty bảo hiểm PVI Huế giai đoạn 2017 - 2019	32
Bảng 2.3: Chi tiêu và biến động nguồn vốn của Công ty Bảo hiểm PVI Huế giai đoạn 2017 – 2019	35
Bảng 2.4: Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty Bảo hiểm PVI Huế giai đoạn 2017 – 2019	38
Bảng 2.5: Chu trình cấp bảo hiểm xe cộ gửi tại công ty BH PVI Huế.	44
Bảng 2.6: Các thủ tục KSNB trước khi cấp bảo hiểm xe cộ gửi (OTO) thu tiền khách hàng tại công ty Bảo hiểm PVI Huế	52
Bảng 2.7: Các thủ tục KSNB trong quá trình cấp bảo hiểm xe cộ gửi (OTO) thu tiền KH tại công ty Bảo hiểm PVI Huế	64
Bảng 2.8: Các thủ tục KSNB sau quá trình cấp bảo hiểm xe cộ gửi (OTO) thu tiền KH tại công ty Bảo hiểm PVI Huế	76
Biểu đồ 2.1: Biến động của doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm và lợi nhuận trước thuế TNDN tại công ty Bảo Hiểm PVI Huế giai đoạn 2017 – 2019.	39

DANH MỤC SỔ ĐỀ

Sổ đề 1.1. Sổ đề chu trình cấp báo hiểm xe cộ giỡi (OTO) thu tiền khách hàng tại các Công ty Báo hiểm.	20
Sổ đề 2.1: Sổ đề tài chớ c báo máy quản lý công ty.....	29
Sổ đề 2.2: Sổ đề tài chớ c báo máy kế toán của công ty	40
Sổ đề 2.3: Sổ đề ghi sổ kế toán trên máy vi tính tại công ty	42
Sổ đề 2.4: Chu trình kiểm soát trước khi cấp BH xe cộ giỡi (OTO) thu tiền KH.	48
Sổ đề 2.5: Chu trình kiểm soát trong quá trình cấp BH xe cộ giỡi (OTO) thu tiền KH.....	60
Sổ đề 2.6: Chu trình kiểm soát sau quá trình cấp BH xe cộ giỡi (OTO) thu tiền KH.....	74

M C L C

L I C M N	i
DANH M C CH VI T T T.....	ii
DANH M C B NG BI U	iii
DANH M C S Đ 	iv
M C L C	v
PH N I: Đ T V N Đ 	1
1. Lý do ch n đ tài	1
2. M c tiêu nghiên c u	2
3. Đ i t ng, ph m vi nghiên c u	3
4. Ph ng pháp nghiên c u	3
5. K t c u đ tài	4
6. Tính m i c a đ tài	5
PH N II N I DUNG VÀ K T QU NGHI N C U	6
CH NG 1: C S LÝ LU N V K M SOÁT N I B CHU TRÌNH C P B O HI M XE C GI I TRONG CÁC DOANH NGHIỆP B O HI M	6
1.1 Nh ng v n đ c b n v H th ng ki m soát n i b 	6
1.1.1 Khái ni m v Ki m soát n i b 	6
1.1.2 M c tiêu và nhi m v c a Ki m soát n i b 	7
1.1.3 Các b ph n c u thành h th ng Ki m soát n i b 	7
1.1.4 Nh ng r i ro t m tàng c a h th ng Ki m soát n i b 	13
1.2 Khái quát v doanh nghiệp b o hi m và b o hi m xe c gi i.....	13
1.2.1 Khái ni m và vai trò c a doanh nghiệp b o hi m	14
1.2.2 Khái ni m v xe c gi i và b o hi m xe c gi i.....	16
1.3. Các v n đ liên quan đ n ki m soát chu trình c p b o hi m xe c gi i t i các doanh nghiệp b o hi m.....	18
1.3.1. Khái ni m và đ c tr ng c a chu trình c p b o hi m	18
1.3.2. Các lo i hình b o hi m xe c gi i.....	18
1.3.3 Nguyên t c tham gia b o hi m	18
1.3.4. Chu trình c p b o hi m xe c gi i thu ti n t i công ty B o hi m.....	20

1.4 Kiểm soát nội bộ chu trình cấp báo hỏng xe cộ gửi tới các doanh nghiệp báo hỏng	21
1.4.1 Khái niệm, mục tiêu và vai trò Kiểm soát nội bộ chu trình cấp báo hỏng xe cộ gửi tới thu tiền khách hàng	21
1.4.2 Nhiệm vụ trong chu trình cấp báo hỏng xe cộ gửi tới thu tiền khách hàng	22
1.4.3 Các thủ tục kiểm soát chu trình cấp báo hỏng xe cộ gửi tới thu tiền khách hàng	23
1.4.4 Yêu cầu ảnh hưởng đến công tác kiểm soát chu trình cấp báo hỏng xe cộ gửi tới thu tiền KH	25
CHƯƠNG 2: KIỂM SOÁT NỘI BỘ CHU TRÌNH CẤP BÁO HỎNG XE CỘ GỬI THU TIỀN KHÁCH HÀNG TẠI CÔNG TY BÁO HỎNG PVI HUẾ	27
2.1 Khái quát về Công ty Báo hỏng PVI Huế	27
2.1.1 Lịch sử hình thành, tầm nhìn và sứ mệnh của Công ty Báo hỏng PVI Huế	27
2.1.2 Bộ máy quản lý tại công ty	28
2.1.3 Tình hình nguồn lao động của công ty	29
2.1.4 Tình hình tài sản nguồn vốn của công ty trong giai đoạn 2017 – 2019	32
2.1.5 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	38
2.1.6 Tổ chức công tác kế toán tại công ty	40
2.2. Thúc đẩy công tác kiểm soát nội bộ chu trình cấp báo hỏng xe cộ gửi (OTO) thu tiền khách hàng tại công ty báo hỏng PVI Huế	43
2.2.1 Chu trình cấp báo hỏng xe cộ gửi tới công ty BH PVI Huế	43
2.2.2 Kiểm soát trước khi cấp báo hỏng xe cộ gửi tới thu tiền khách hàng tại công ty Báo hỏng PVI Huế	48
2.2.3. Kiểm soát trong quá trình cấp báo hỏng xe cộ gửi tới thu tiền khách hàng tại công ty Báo hỏng PVI Huế	60
2.2.4 Kiểm soát sau quá trình cấp báo hỏng xe cộ gửi (OTO) thu tiền KH tại công ty Báo hỏng PVI Huế	74
2.3. Phân tích ảnh hưởng yếu tố ảnh hưởng đến công tác kiểm soát nội bộ chu trình cấp báo hỏng xe cộ gửi (OTO) thu tiền khách hàng tại công ty Báo hỏng PVI Huế	89
2.3.1 Điều kiện kinh tế	89
2.3.2 Môi trường pháp lý	90
2.3.3 Điều kiện tự nhiên	90

2.3.4 Điều kiện công nghệ	90
2.3.5 Các chính sách, chính sách của lãnh đạo công ty.....	90
2.3.6 Năng lực và phạm vi chức năng của cán bộ, nhân viên trong công ty.....	91
2.3.7 Cơ cấu tổ chức công ty.....	91
2.3.8 Sơ đồ tranh tài các tổ chức công ty báo hiểm, tổ chức kinh tế khác	91
2.3.9 Khách hàng.....	91
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	92
CHƯƠNG 3: GIỚI THIỆU PHÁP NHUẬN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NỘI BỘ CHU TRÌNH CẤP BÁO HIỂM XE CẠM GIỚI (OTO) THU TIỀN KHÁCH HÀNG TẠI CÔNG TY BÁO HIỂM PVI.....	93
3.1. Nhận xét chung về công tác Kiểm soát nội bộ chu trình cấp báo hiểm xe cạm giới (OTO) thu tiền tại PVI Huế	93
3.1.1. Ưu điểm.....	93
3.1.2. Nhược điểm	97
3.2. Mô tả sơ giới pháp hoàn thiện KSNB chu trình cấp báo hiểm xe cạm giới (OTO) thu tiền KH tại công ty báo hiểm PVI Huế.....	98
3.2.1. Tham định báo hiểm tại tổ chức khi cấp báo hiểm.....	98
3.2.2. Việc kiểm soát nội bộ tổ chức thực hiện trong suốt chu trình cấp báo hiểm.....	99
3.2.3. Phát triển công nghệ quản lý rủi ro	99
3.2.4. Đào tạo nguồn nhân lực.....	100
3.2.5. Đề xuất công tác kế toán tại công ty.....	100
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	101
PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	102
1. Kết luận.....	102
2. Kiến nghị	103
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	104
PHỤ LỤC	

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh nền kinh tế đang có những bước chuyển mình quan trọng, thị trường bèo hiem đang phát triển sôi nổi và mức cạnh tranh trở nên gay gắt, trong đó Bèo hiem phi nhân thọ đón nhận được những tín hiệu tích cực. Bộ Tài chính đang soạn thảo theo nghị định với kỳ vọng sẽ nối liền các điều kiện kinh doanh bèo hiem và khuyến khích các công ty bèo hiem trong và ngoài tham gia nhiều hơn vào ngành Bèo hiem Việt Nam.

Sự phát triển chung của nền kinh tế Việt Nam đang từng bước góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống. Đi cùng với sự phát triển đó là sự gia tăng nhanh chóng về tài sản nhà ở, phương tiện đi lại,... và nhu cầu đi lại đã trở thành một nhu cầu thiết yếu của con người. Nhu cầu này càng có xu hướng tăng lên cùng với sự phát triển của nền kinh tế xã hội, của tiến bộ khoa học kỹ thuật và sự phát triển mạnh mẽ về số lượng, cũng như chủng loại các phương tiện vận tải cá nhân đã đem lại cho con người một phương thức vận chuyển nhanh gọn và tiết kiệm. Tuy nhiên sự phát triển một cách nhanh chóng đã dẫn đến tình trạng giao thông đông đúc ngày càng trở nên phức tạp, với sự bất hợp lý giữa mức độ tăng nhanh của các phương tiện cá nhân và tốc độ phát triển của các hệ thống giao thông cùng với việc thiếu ý thức của những con người tham gia giao thông đã làm cho tai nạn giao thông xảy ra ngày càng nhiều, đã gây thiệt hại về tài sản, tính mạng cho cá nhân, cũng như toàn xã hội. Do đó, để đề phòng cho những rủi ro có thể xảy ra đối với tài sản cá nhân, tính mạng con người các tổ chức dịch vụ bèo hiem là một phần quan trọng trong công tác quản lý rủi ro.

Hiện nay, trong lĩnh vực bèo hiem phi nhân thọ, các doanh nghiệp bèo hiem tỏ ra rất năng động trong việc tiếp cận, cung cấp các sản phẩm bèo hiem đến khách hàng, Thưa Thiên Huân được đánh giá là một trong những thị trường có tiềm năng khai thác lớn về bèo hiem phi nhân thọ như bèo hiem Bèo Việt, PJICO, BIC, VBI,... Là một công ty bèo hiem thành lập 6 năm tại thị trường bèo hiem Thưa Thiên Huân với cạnh tranh với các công ty bèo hiem lớn là việc không thể tránh khỏi vì thế nên không ít sự ép, khó khăn lên công ty bèo hiem PVI Huân. Cùng với những rủi ro tiềm ẩn, việc xây dựng một hệ thống kiểm soát nội bộ (HTKSNB) là việc làm hết sức quan trọng

việc quản trị rủi ro, góp phần làm cho quy trình cấp các sản phẩm bảo hiểm được chặt chẽ và hiệu quả hơn. Bởi lẽ điều này ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động và hiệu quả kinh doanh của công ty.

Độc biết, trong quá trình thực tập tại Công ty Bảo hiểm PVI Huế, tôi đã có nhiều tiếp xúc với nhiều nghiệp vụ liên quan đến bảo hiểm phi nhân thọ tại công ty. Điều đáng nói ở đây, doanh thu bảo hiểm xe cộ giữ vị trí luôn chiếm tỷ trọng cao trong các báo cáo doanh thu hàng tháng, quý, năm, chiếm trên 45% trong tổng doanh thu các nghiệp vụ, tác động mạnh mẽ đến doanh thu của công ty. Bên cạnh doanh thu bảo hiểm xe cộ giữ vị trí luôn chiếm tỷ trọng cao thì việc rủi ro tổn thất do nghiệp vụ này mang lại luôn có thể xảy ra ở những mức độ khác nhau, rủi ro do chủ quan con người hay những rủi ro từ nguyên nhân khách quan đều ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của công ty. Để hạn chế, kiểm soát tốt các rủi ro có thể xảy ra để đưa đến việc đạt được mức tiêu kinh doanh hiệu quả trong chu trình này đòi hỏi công ty phải có một hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả, đảm bảo mọi nguồn lực phân bổ hợp lý và đúng chính sách đưa ra.

Nhìn thấy được tầm quan trọng của vấn đề này, kết hợp với kiến thức đã được học tại Trường Đại học Kinh Tế Huế và điều kiện thực tập cho phép tôi được viết, tôi là chủ nhân đề tài “KIỂM SOÁT NỘI BỘ CHU TRÌNH CẤP BẢO HIỂM XE CỘ GIỚI (OTO) THU TIỀN KHÁCH HÀNG TẠI CÔNG TY BẢO HIỂM PVI HUẾ” làm đề tài nghiên cứu khóa luận của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1 Mục tiêu chung

Đưa trên cơ sở lý luận về HTKSNB và chu trình cấp bảo hiểm xe cộ giới (OTO) thu tiền khách hàng tại các doanh nghiệp Bảo hiểm, đề tài tìm hiểu thực trạng công tác KSNB chu trình cấp bảo hiểm xe cộ giới (OTO) thu tiền khách hàng tại Công ty Bảo hiểm PVI Huế, đánh giá những ưu nhược điểm và đưa ra những giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác KSNB chu trình đó.

2.2 Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận HTKSNB và cơ sở lý luận chu trình cấp bảo hiểm xe cộ giới (OTO) thu tiền khách hàng là cá nhân hoặc tổ chức trong các đơn vị bảo hiểm.

- Tìm hiểu thực trạng công tác Kiểm soát nội bộ (KSNB) chu trình cấp bỏo hiểm xe cộ giổ i (OTO) thu tỉn khách hàng tởi Công ty Bỏo hiểm PVI Huổ.

- Thông qua quá trình tìm hiểu thực tế, so sánh giữa thực tế và cơ sở lý luận để đưa ra các giổ i pháp nhổm góp phần hoàn thiện công tác KSNB chu trình cấp bỏo hiểm xe cộ giổ i (OTO) thu tỉn khách hàng tởi Công ty Bỏo hiểm PVI Huổ.

3. Đổ i tởng ng, phổ m vi nghiên cứu

3.1 Đổ i tởng ng nghiên cứu

Tổp trung nghiên cứu về công tác KSNB chu trình cấp bỏo hiểm xe cộ giổ i (OTO) thu tỉn KH tởi Công ty Bỏo hiểm PVI Huổ.

3.2 Phổ m vi nghiên cứu

Về thời gian: Dổ tài tổp trung nghiên cứu tình hình công ty dựa trên thông tin, tài liệu, số liệu của công ty Bỏo hiểm PVI Huổ trong giai đoạn 2017 – 2019, nghiên cứu về thực công tác KSNB chu trình cấp bỏo hiểm xe cộ giổ i (OTO) thu tỉn khách hàng tởi công ty từ tháng 1 – 4 năm 2020.

Về không gian: Dổ tài đổ c thực hiện trong phạm vi Công ty Bỏo hiểm PVI Huổ.

Về nội dung: Dổ tài tổp trung nghiên cứu về thực về công tác KSNB chu trình cấp bỏo hiểm xe cộ giổ i (OTO) thu tỉn KH tởi Công ty Bỏo hiểm PVI Huổ trong tháng 1-4 năm 2020.

4. Phổ ng pháp nghiên cứu

4.1 Phổ ng pháp thu thập số liệu

- **Phổ ng pháp quan sát, phổ ng vổn**

Đây là một phổ ng pháp quan trọng vì qua phổ ng pháp này có thể thu thập thêm nhiều thông tin bổ ích, tiếp thu các khả năng xử lý các nghiổp vổ, các trổ ng hổp khi phát sinh, hổc hổi đổ c quy trình thực tế, là phổ ng pháp sát vổ i thực tế. Quan sát, phổ ng vổn cán bổ các phòng kinh doanh, phòng quản lý nghiổp vổ và bổ i thổ ng (phòng QLNV & BT), phòng kế toán tổng hổp để thu thập thông tin và hiểu rõ công vổc của hổ.

- **Phổ ng pháp nghiên cứu tài liệu**

Là phổ ng pháp dựa trên các tài liệu như các chuổn mổc, thông tở hổ ng đổn của

bộ tài chính, các luật và nghị định, giáo trình và kiểm soát nội bộ; Các tài liệu thu thập từ công ty và một số văn bản pháp luật và doanh nghiệp; Các tài liệu, thông tin trên trang web điện tử; Các khóa luận có liên quan từ vi tính và Internet để thu thập thông tin đáng tin cậy, hệ thống hóa các lý luận và làm phong phú thêm vào quá trình tìm hiểu công tác KSNB chu trình cấp báo hiểm xe cộ giao (OTO) thu tiền khách hàng từ Công ty báo hiểm PVI Huế.

- **Phương pháp phân loại và trình bày tài liệu**

Phương pháp này được sử dụng để phân loại các số sách, chương trình, tài liệu liên quan và các thông tin liên quan theo mục đích sử dụng cho việc nghiên cứu. Từ đó, thu thập, trình bày các thông tin từ nhiều nguồn của phòng Kế toán và các phòng ban khác của công ty liên quan đến Kiểm soát nội bộ chu trình cấp báo hiểm xe cộ giao thu tiền khách hàng theo các cách đã phân loại.

4.2 Phương pháp trình bày và phân tích

- **Phương pháp so sánh, phân tích số liệu**

Phương pháp chung nhằm phân tích khái quát tình hình tài chính công ty, cách thức trong bài phân tích này, đã sử dụng chủ yếu ba phương pháp chính: phương pháp phân tích theo chiều ngang, phân tích xu hướng và còn dùng thêm phương pháp phân tích theo chiều dọc để phân tích cấu trúc và biến động của tài sản, nguồn vốn, báo cáo kết quả kinh doanh và mối quan hệ giữa doanh thu thuần hoạt động kinh doanh với lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN của công ty giai đoạn 2017 – 2019 từ đó trình bày các kết quả so sánh và phân tích trên để đưa ra nhận xét chung.

5. Kết cấu đề tài

❖ Phần I: Đặt Vấn Đề

❖ Phần II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Chương 1: Các lý luận về KSNB chu trình cấp báo hiểm xe cộ giao (OTO) thu tiền khách hàng trong hệ thống doanh nghiệp báo hiểm

Chương 2: Thực trạng công tác KSNB chu trình cấp báo hiểm xe cộ giao (OTO) thu tiền khách hàng từ Công ty báo hiểm PVI Huế.

Chương 3: Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác KSNB chu trình cấp báo hiểm xe cộ giao (OTO) thu tiền khách hàng từ Công ty báo hiểm PVI Huế.

❖ Phần III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

6. Tính mới của đề tài

Trong quá trình thực hiện đề tài khóa luận, tôi có tham khảo một số đề tài như : đề tài “Thức uống công tác kiểm soát nội bộ hoạt động tiêu thụ tại Công ty Cổ phần dược Trung ương Medipharco – Tenamyd” của tác giả Trần Thị Thúy Diễm, đề tài “Hoàn thiện kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Toàn” của tác giả Hồ Đăng Bào Tuấn, tại đây những sản phẩm trong các chu trình bán hàng, hoạt động tiêu thụ của những công ty và các đề tài trên đều là những sản phẩm hữu hình, khách hàng khi mua sản phẩm có thể nhìn thấy ngay, màu sắc, hình dáng, phẩm chất của hàng hóa. Riêng các sản phẩm bảo hiểm nói chung và bảo hiểm xe cộ giời (OTO) nói riêng đều là sản phẩm vô hình, được biểu hiện trên một tờ giấy chứng nhận, nó mang những đặc điểm chung của các sản phẩm dịch vụ, ngoài ra sản phẩm bảo hiểm cũng có những đặc điểm riêng biệt. Chính vì những đặc điểm chung và đặc điểm riêng này nên sản phẩm bảo hiểm được xếp vào loại sản phẩm “đặc biệt”, nó là sự đảm bảo về mặt tài chính trước rủi ro cho người được bảo hiểm kèm theo là dịch vụ có liên quan. Tuy việc nhận thức được sự khác biệt trong sản phẩm cũng như chu trình cấp bảo hiểm (chu trình bán hàng), nên tôi đã chọn đề tài **“Kiểm soát nội bộ chu trình cấp bảo hiểm xe cộ giời (OTO) thu tiền khách hàng tại Công ty Bảo hiểm PVI”** để nghiên cứu trong thời gian thực tập tại đây.

PHẦN II NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ

CHU TRÌNH CẬP BỔ HIỆM XE CỬ GIỚI TRONG CÁC

DOANH NGHIỆP CẬP BỔ HIỆM

1.1 Nội dung và đối tượng của Hệ thống kiểm soát nội bộ

1.1.1 Khái niệm và Kiểm soát nội bộ

Trong môi trường hoạt động của doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ (KSNB) là công cụ chủ yếu nhằm kiểm soát việc tuân thủ các chính sách, quy trình, nhiệm vụ, hành vi và các khía cạnh khác của tổ chức, giúp cho tổ chức đó hoạt động hiệu quả, đảm bảo tính hợp lý, trung thực của các báo cáo phục vụ cho nội bộ và bên ngoài tổ chức. Nhận thức được tầm quan trọng, nhiều tổ chức và cá nhân đã nghiên cứu về hệ thống này. Quá trình nhận thức và nghiên cứu về KSNB đã dần dần hình thành các khái niệm khác nhau. Có thể kể đến các khái niệm sau:

Luật Kế toán 2015 cho rằng, “KSNB là việc thiết lập và tổ chức thực hiện trong nội bộ đơn vị kế toán các chế độ, chính sách, quy trình, quy định nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được các yêu cầu đề ra”.

Theo đó, KSNB là nói đến các chính sách, thủ tục, các biện pháp kiểm soát do ban lãnh đạo, quản lý của đơn vị xây dựng có tính chất bao trùm tất cả môi trường hoạt động trong đơn vị trên cơ sở xác định rủi ro và tìm các biện pháp để kiểm soát các rủi ro đó.

Theo báo cáo COSO hiện hành năm 2013 (Committee of Sponsoring Organizations- một Ủy ban thuộc Hội đồng quốc gia Hoa Kỳ về việc cung cấp lý luận và báo cáo tài chính): “KSNB là một quá trình bao gồm các hoạt động, người và quản lý và các nhân viên của đơn vị, nó được thiết lập để cung cấp một số đảm bảo hợp lý nhằm đạt được các mục tiêu về hoạt động, báo cáo và tuân thủ”.

Theo điều 36 Nghị định 73/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật kinh doanh bảo hiểm sửa đổi quy định về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ.

Từ những khái niệm nêu trên, ta thấy rằng HTKSNB là một quy trình kiểm soát bao gồm nhiều thủ tục, chế độ, hoạt động, chính sách, biện pháp được thiết lập và vận hành bởi tất cả con người trong đơn vị bao gồm cả HĐQT, người quản lý và nhân viên

nhằm giúp đỡ n.v.đt.đ. các m.c tiêu hoạt động h.u.h.u và h.u.qu, báo cáo tài chính trung th.c và h.p lý, tuân th. các chính sách và luật l. h.h.n hành. KSNB không đ.m.b.o tuy.t.đ.đ. nh. ng y. kém s. không x.y ra nh. ng s. góp ph.n h.n ch. t.đ. đa các r.đ. ro, đ.c bi.t là các sai ph.m tr. ng y.u.

1.1.2 Mục tiêu và nhiệm vụ của Kiểm soát nội bộ

1.1.2.1 Mục tiêu của Kiểm soát nội bộ

Theo Giáo trình KSNB, Tr. ng Đ.đ. h.c Kinh t. Thành ph. H. Chí Minh, có th. chia các m.c tiêu ki.m soát đ.n v. c.n thi.t l.p thành ba nhóm:

Nhóm m.c tiêu v. hoạt đ. ng: nh.n m.nh đ.n s. h.u h.u và h.u.qu c.a vi.c s. đ. ng các ngu.n l.c, vi.c b.o v. tài s.n và thông tin c.a đ.n v. và vi.c hoàn thành công vi.c đúng k. ho.ch, đúng v. i ch. tiêu đã đ. ra.

Nhóm m.c tiêu v. báo cáo: nh.n m.nh đ.n tính trung th.c và đáng tin c.y c.a BCTC và phi tài chính mà đ.n v. cung c.p cho c. bên trong và bên ngoài. BCTC ph.i l.p đúng theo quy đ. nh mà B. tài chính đ. a ra, thông tin trên báo cáo ph.i trung th.c và đáng tin c.y.

Nhóm m.c tiêu v. tuân th.: nh.n m.nh đ.n vi.c tuân th. pháp luật và các quy đ. nh (bao g.m c. quy đ. nh nhà n. c, các th. t. c và chính sách c.a đ.n v.).

M.t HTKSNB h.u h.u đ.đ. c mong đ. i cung c.p s. đ.m.b.o h.p lý đ.t.đ. c các m.c tiêu nêu trên.

1.1.2.2 Nhiệm vụ của Kiểm soát nội bộ

Theo Giáo trình KSNB, Tr. ng Đ.đ. h.c Kinh t. Thành ph. H. Chí Minh, nhi.m v. c.a ki.m soát n.đ. b. bao g.m:

Ngăn ng. a sai ph.m trong quy trình x. lý nghi.p v.

Phát hi.n và s. a ch. a k.p th. i nh. ng sai ph.m trong x. lý nghi.p v. giúp cho DN tránh kh. i th.t thoát tài s.n.

Giúp DN th. c hi.n các chính sách kinh doanh.

Đ.m.b.o an toàn cho tài s.n c.a DN.

1.1.3 Các bộ phận cấu thành hệ thống Kiểm soát nội bộ

M.c dù đ.đ. i v. i m.đ. đ.n v. thì cách thi.t k. HTKSNB s. khác nhau do quy mô, tính ch.t, m.c tiêu, cách th. c qu.n lý,... nh. ng nhìn chung HTKSNB nào cũng s. có

nằm bên phần cuối bên: môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông, giám sát.

1.1.3.1. Môi trường kiểm soát

Theo Giáo trình KSNB, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh:

Môi trường kiểm soát (MTKS) là tập hợp các tiêu chuẩn, quy trình và cấu trúc làm nền tảng cho việc thiết kế và vận hành KSNB trong một đơn vị.

Một môi trường kiểm soát hữu hiệu cần đáp ứng 5 nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc 1: Đơn vị thể hiện sự cam kết với tính trung thực và các giá trị đạo đức.

Đơn vị thể hiện sự cam kết với tính trung thực và các giá trị đạo đức, đơn vị cần lưu ý các điểm quan trọng sau: Quan điểm của người lãnh đạo cấp cao nhất trong đơn vị, các tiêu chuẩn đạo đức, đánh giá sự tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức.

- Nguyên tắc 2: HĐQT thể hiện sự đồng lập với người quản lý và đảm nhiệm chức năng giám sát việc thiết kế và vận hành HTKSNB.

Đơn vị cần đồng lập và nâng cao vai trò giám sát của HĐQT cần lưu ý các điểm quan trọng sau: Quy định và trách nhiệm của HĐQT, đồng lập và có chuyên môn phù hợp, giám sát của HĐQT.

- Nguyên tắc 3: Đơn vị giám sát của HĐQT, NQL xây dựng các cấu trúc, xác định các cấp báo cáo, cũng như phân định trách nhiệm và quy định phù hợp các tiêu chuẩn đã xác lập.

Đơn vị cần lưu ý các điểm quan trọng sau: Xác định các cấu trúc và cấp báo cáo, phân định trách nhiệm và quy định, ghi nhận việc quy định.

- Nguyên tắc 4: Đơn vị thể hiện cam kết sẽ dùng nguồn nhân lực có chất lượng thông qua thu hút, phát triển và giữ chân các cá nhân có năng lực phù hợp với các tiêu chuẩn của đơn vị.

Đơn vị cần lưu ý các điểm quan trọng sau: Chính sách nguồn nhân lực và việc áp dụng trong thực tế, thu hút, phát triển và giữ chân các cá nhân có năng lực, lên kế hoạch và chuẩn bị cho việc kế nhiệm.

- Nguyên tắc 5: Đơn vị phải rõ trách nhiệm giữa trình cấp cá nhân liên quan đến trách nhiệm kiểm soát của họ nhằm đạt được các tiêu chuẩn của đơn vị.

Đơn vị cần lưu ý các điểm

quan trọng sau: Xác lập trách nhiệm giải trình thông qua công cụ, quy định hành và trách nhiệm; xác lập tiêu chuẩn đo lường kết quả hoạt động, trong đó bao gồm công biến pháp khuyến khích và khen thưởng; xem xét các áp lực quá mức; đánh giá hiệu quả làm việc, khen thưởng và kỷ luật.

1.1.3.2 Đánh giá rủi ro

Theo Giáo trình KSNB, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh:

Rủi ro được định nghĩa là khả năng mất số vốn số xảy ra có thể tác động tiêu cực đến việc đạt được mục tiêu. ĐGRR là quá trình nhận diện và phân tích những rủi ro ảnh hưởng đến việc đạt được mục tiêu, từ đó có thể quản trị được rủi ro. Khi đánh giá rủi ro để đưa mục tiêu của DN cần xem xét trong mối liên hệ với các nguyên nhân gây ra rủi ro đã thiết lập. **Điều kiện tiên quyết để ĐGRR là thiết lập mục tiêu.** Mục tiêu phải được thiết lập các mức độ khác nhau và phải nhất quán. NQL cũng cần xem xét sự phù hợp của các mức tiêu đề với điều kiện. Do điều kiện kinh tế, đặc điểm và hoạt động kinh doanh, những quy định pháp lý luôn thay đổi, nên cần nhận diện và đề nghị phó rủi ro phải liên kết với sự thay đổi này.

ĐGRR cần tuân thủ 4 nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc 6: Nhận và xác định mức tiêu mức cách công, tạo điều kiện cho việc nhận diện và ĐGRR liên quan đến việc đạt được mục tiêu.

Để ĐGRR, trước tiên cần xác định mức tiêu. NQL cần công thức hóa mức tiêu, thông thường có 3 nhóm mức tiêu: hoạt động, báo cáo và tuân thủ.

- Nguyên tắc 7: Nhận và nhận diện các rủi ro để đưa mục tiêu và phân tích rủi ro để quản trị các rủi ro này.

Để thực hiện việc nhận diện và phân tích rủi ro, cần cần lưu ý các điểm quan trọng sau:

Nhận diện rủi ro: Có hai dạng rủi ro thường gặp là rủi ro ở mức độ toàn diện và rủi ro ở mức độ hoạt động

Phân tích rủi ro

Phân tích với rủi ro đã xác định: biến pháp chính là để đề nghị phó rủi ro bao gồm: chấp nhận rủi ro, né tránh rủi ro, giảm thiểu rủi ro.

- Nguyên tắc 8: Nhận và cân nhắc khả năng có gian lận khi ĐGRR để đưa mục tiêu

của dân vụ.

Đề xem xét khả năng có gian lận khi ĐGRR, dân vụ cần lưu ý các điểm quan trọng sau:

Nhận diện các loại gian lận: Các loại gian lận thông thường bao gồm gian lận trong việc lập và trình bày báo cáo, biến thủ tài sản và tham ô.

Số lượng quy định của NQL: là các hành động mà NQL vượt qua HTKSNB nhằm đem lại lợi ích cá nhân, hay làm dẽp BCTC để đó có được các khoản lợi nhuận cao

Các nhân tố tác động đến rủi ro có gian lận: rủi ro có gian lận thường phát sinh khi hội đủ 3 yếu tố: động cơ hay áp lực, cơ hội, thái độ và sự biện minh cho hành vi gian lận.

- Nguyên tắc 9: Dân vụ nhận định và đánh giá các thay đổi có thể ảnh hưởng đáng kể đến HTKSNB.

Đề quán trọng thay đổi, cần chú ý các vấn đề sau:

Thay đổi từ bên ngoài như sự thay đổi của môi trường hoạt động, biến động của môi trường tự nhiên.

Thay đổi trong hoạt động kinh doanh như thay đổi mô hình kinh doanh; mua, bán, hợp nhất các hoạt động kinh doanh quan trọng; mở rộng hoạt động ngoài; tăng trưởng nhanh chóng và kết quả tốt.

Thay đổi trong lãnh đạo chủ chốt.

1.1.3.3 Hoạt động kiểm soát

Theo Giáo trình KSNB, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh:

Hoạt động kiểm soát (HĐKS) là tập hợp các chính sách và thủ tục nhằm đảm bảo thực hiện các chức năng của NQL để giảm thiểu rủi ro đe dọa đến việc đạt được các mục tiêu của dân vụ. HĐKS tồn tại ở mọi cấp độ từ chức trong dân vụ, ở các giai đoạn khác nhau của quy trình kinh doanh và bao gồm các kiểm soát nội và ngoại công nghệ.

Các HĐKS liên quan tới 3 nguyên tắc của KSNB sau đây:

- Nguyên tắc 10: Dân vụ lập kế hoạch và xây dựng các HĐKS để giảm thiểu rủi ro (đe dọa đến việc đạt được các mục tiêu) xuống mức thấp có thể chấp nhận được.

Đề lập kế hoạch và xây dựng được các HĐKS thích hợp dân vụ cần lưu ý các điểm quan trọng sau: Tích hợp HĐKS với ĐGRR, xem xét các điểm riêng của dân vụ,

xây dựng các HĐKS cho từng quy trình kinh doanh, phân bổ các loại HĐKS, xem xét các cấp độ trong đơn vị cấp ứng dụng các hoạt động kiểm soát, ghi quy định và phân chia trách nhiệm.

- Nguyên tắc 11: Lựa chọn và xây dựng các HĐKS chung đối với công nghệ.

Đ tuân thủ nguyên tắc này đơn vị cần lưu ý các điểm quan trọng sau: Xác định mức độ phức tạp thu được giá trị số lượng công nghệ trong các quy trình kinh doanh với các kiểm soát chung và công nghệ; thiết lập các HĐKS đối với hệ thống công nghệ; thiết lập các HĐKS đối với việc bảo mật; thiết lập các HĐKS đối với việc đầu tư, phát triển và bảo trì công nghệ.

- Nguyên tắc 12: Triển khai các HĐKS thông qua chính sách và thủ tục kiểm soát.

Đ tuân thủ nguyên tắc này đơn vị cần lưu ý các điểm quan trọng sau: Thiết lập các chính sách và thủ tục kiểm soát nhằm hỗ trợ việc triển khai các chức năng của NQL; xác định trách nhiệm thực hiện và trách nhiệm giải trình của NQL đối với việc thực thi chính sách và thủ tục kiểm soát; thực hiện các chính sách và thủ tục kiểm soát một cách kịp thời; áp dụng các biện pháp sửa chữa cần thiết; số lượng nhân sự đủ năng lực; thực hiện việc đánh giá lại các chính sách và thủ tục kiểm soát.

1.1.3.4 Thông tin và truyền thông

Theo Giáo trình KSNB, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh:

Thông tin rất cần thiết cho việc thực thi trách nhiệm kiểm soát trong đơn vị nhằm hỗ trợ cho việc đạt được các mục tiêu đã đề ra. Truyền thông là quá trình cung cấp, chia sẻ và trao đổi thông tin.

Thông tin và truyền thông liên quan đến ba nguyên tắc sau đây:

- Nguyên tắc 13: Đơn vị thu thập, tổ chức và số lượng các thông tin thích hợp và có chất lượng nhằm hỗ trợ cho số vốn hành của KSNB

Đ tuân thủ nguyên tắc này, đơn vị cần lưu ý các điểm quan trọng sau đây: Xác định yêu cầu về thông tin, cân đối lợi ích và chi phí liên quan, thu thập các nguồn dữ liệu bên trong và bên ngoài đơn vị, xử lý các dữ liệu thành thông tin, đảm bảo chất lượng thông tin.